

BÁO CÁO NHANH

Tổng kết công tác lấy nước Đợt 2 phục vụ gieo cấy vụ Đông Xuân 2022-2023, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ

Thực hiện Thông báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 8073/TB-BNN-TCTL ngày 30/11/2022, Đợt 2 lấy nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2022-2023, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ được thực hiện theo kế hoạch, bắt đầu từ 0h ngày 1/2/2023 đến 24h ngày 8/2/2023 (tổng cộng 8 ngày), các nhà máy thủy điện đã vận hành tối đa qua phát điện để cấp nước cho hạ du trong 06 ngày đầu, vận hành giảm lượng xả để duy trì mực nước tại Sơn Tây thấp nhất từ 1,8 m trở lên trong 02 ngày cuối. Tổng cục Thủy lợi báo cáo tổng kết công tác lấy nước Đợt 2 như sau:

1. Tình hình nguồn nước

Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã vận hành tối đa các nhà máy thủy điện Hòa Bình, Thác Bà và Tuyên Quang để bổ sung nước cho hạ du từ 14 giờ ngày 29/1/2023 (trước ngày đầu tiên của Đợt 2 gần 2,5 ngày). Mực nước tại Trạm thủy văn Hà Nội bình quân toàn Đợt đạt 1,61 m, cao nhất đạt 2,08 m vào ngày 5/2. Tổng lượng xả của các hồ chứa thủy điện trong Đợt 2 là **2,21 tỷ m³** nước; tổng cộng lượng xả Đợt 1, Đợt 2 là **3,62 tỷ m³**.

Trong thời gian lấy nước của Đợt 2, khu vực Bắc Bộ đã có mưa nhỏ, mưa phùn. Tổng lượng mưa lũy tích từ ngày 01/2 đến 08/2 ở khu vực miền núi phía Bắc từ 15-50 mm, Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ từ 10-30 mm. Lượng mưa tuy không lớn nhưng đã hỗ trợ việc lấy nước hiệu quả hơn.

2. Tình hình vận hành công trình thủy lợi lấy nước

Với nguồn nước được điều tiết bổ sung, khả năng vận hành của các công trình thủy lợi như sau:

- Các công trình thủy lợi vùng ảnh hưởng triều (Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình và Ninh Bình): Đủ điều kiện vận hành hiệu quả.

- Các công trình thủy lợi thuộc vùng không ảnh hưởng triều (các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nội): Các trạm bơm đã được nâng cấp, hạ thấp cao trình đặt máy và các trạm bơm đã chiến đủ điều kiện hoạt động tốt; tương tự các năm gần đây, các công trình chưa được nâng cấp không đủ điều kiện mực nước để vận hành.

*(Chi tiết khả năng lấy nước của các công trình thủy lợi chính tại **Phụ lục I**).*

3. Diện tích có nước

Kết thúc Đợt 1, diện tích có nước là **121.942 ha/498.359 ha, đạt 24,5%** diện tích gieo cấy theo kế hoạch. Trong thời gian giữa Đợt 1 và Đợt 2, các công trình vùng ảnh hưởng triều vẫn tận dụng được kỳ triều cường Tết Âm lịch (từ ngày 20/1-26/1/2023) để lấy nước tương đối hiệu quả nên diện tích có nước đến trước Đợt 2 là **370.470 ha/498.359 ha (đạt 74,3%)**, tăng khoảng 50% so khi kết thúc Đợt 1.

Tính đến hết Đợt 2 (ngày 8/2), tổng diện tích đã lấy được nước là **476.297 ha/498.359 ha, đạt 95,6%** diện tích gieo cấy theo kế hoạch. Các tỉnh chưa hoàn thành 100% diện tích gồm Vĩnh Phúc (95%), Bắc Ninh (95%), Hải Dương (94%), Hà Nội (81%); trong đó, diện tích phụ thuộc vào dòng chảy sông Hồng tổng cộng khoảng 3.622 ha, thuộc các huyện Hoài Đức 184 ha, Thạch Thất 1.046 ha, Ba Vì 1.314 ha, Sơn Tây 327 ha, Phúc Thọ 751 ha (TP Hà Nội). Các diện tích sẽ tiếp tục được địa phương cấp đủ nước bằng trạm bơm dã chiến.

*(Tổng hợp diện tích có nước trong Đợt 2 tại **Phụ lục II**)*

4. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Tổng cục Thủy lợi đã có Văn bản số 133/TCTL-QLCT ngày 06/02/2023 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ về việc điều chỉnh Đợt 2 lấy nước phục vụ gieo cấy vụ Đông Xuân năm 2022-2023, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ.

- Tổng cục Thủy lợi đã dự thảo, trình Bộ ký văn bản gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, tỉnh Vĩnh Phúc về việc tăng cường năng lực công trình thủy lợi lấy nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân.

- Trong Đợt 2 lấy nước, mực nước thực đo hạ du hệ thống sông tiếp tục được theo dõi trực tuyến, diện tích có nước cập nhật 1 lần/ngày. Kết quả điều hành được công bố trên website <https://capnuocdongxuan.tongcuthuyloi.gov.vn>, báo cáo và cung cấp thông tin hàng ngày đến Lãnh đạo Bộ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, cơ quan thông tấn, báo chí và các địa phương bằng email và tin nhắn điện thoại.

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã tổ chức vận hành tối đa công suất phát điện để nâng mực nước cao nhất cho hạ du, đồng thời bảo đảm cung cấp đủ điện cho các trạm bơm hoạt động. Thông tin điều hành xả nước của Tập đoàn được gửi hàng ngày đến Tổng cục Thủy lợi và các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện.

- Viện Quy hoạch Thủy lợi đã tổ chức theo dõi, dự báo mực nước tại các cửa lấy nước, làm cơ sở cho chỉ đạo, điều hành công tác lấy nước.

- Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia tổ chức dự báo thời tiết, mực nước sông Hồng tại Hà Nội và Sơn Tây tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều hành xả nước, lấy nước.

- Các cơ quan báo chí, truyền thông (VTV, VOV, TTXVN, THND, VTC, Báo Nông nghiệp Việt Nam, v.v.) đã tổ chức tuyên truyền tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình nguồn nước, lịch lấy nước và các khuyến cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, góp phần quan trọng thúc đẩy tiến độ lấy nước và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Tổng cục Thủy lợi sẽ phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam xem xét đề xuất của địa phương, quyết định kế hoạch bổ sung nguồn nước từ các hồ chứa thủy điện, bảo đảm cung cấp đủ phục vụ gieo cấy và tưới dưỡng lúa.

Nhìn chung, công tác phối hợp, chỉ đạo, điều hành các đợt lấy nước được thực hiện sâu sát, quyết liệt góp phần đẩy nhanh tiến độ lấy nước.

5. Đề xuất, kiến nghị

Để bảo đảm yêu cầu phục vụ sản xuất và dân sinh, vừa bảo đảm tiết kiệm nước để phát điện trong điều kiện nguồn nước ngày càng khó khăn, Tổng cục Thủy lợi đề nghị:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố tổ chức đánh giá, tổng kết công tác lấy nước vụ Đông Xuân 2022-2023, rút kinh nghiệm để triển khai công tác lấy nước tiết kiệm, hiệu quả hơn trong các năm tới.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hà Nội đánh giá khả năng lấy nước của các hệ thống thủy lợi trong vụ Đông Xuân 2022-2023; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhu cầu lấy nước sau khi kết thúc Đợt 2 (nếu cần); báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đầu tư xây dựng khẩn cấp các trạm bơm dã chiến Trung Hà, Liên Mạc; đồng thời có kế hoạch đầu tư xây dựng trạm bơm Trung Hà thay thế trạm bơm hiện tại, bảo đảm chủ động vận hành lấy nước, không phụ thuộc dòng chảy bổ sung từ các hồ chứa thủy điện.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện đầu tư xây dựng nâng cấp, bổ sung công suất các trạm bơm Đại Định, Bạch Hạc, Liễu Trì, bảo đảm chủ động vận hành không phụ thuộc dòng chảy bổ sung từ các hồ chứa thủy điện, đáp ứng việc giảm dần/không có các đợt điều tiết bổ sung dòng chảy từ các hồ chứa thủy điện.

Tổng cục Thủy lợi sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan dự thảo Báo cáo tổng kết công tác lấy nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2022-2023, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ; trong đó, sẽ đánh giá tồn tại, khó khăn, vướng

mắc và các giải pháp thực hiện trước mắt và lâu dài trình Bộ ký báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Tổng cục Thủy lợi báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ./.

Nơi nhận:

- BT Lê Minh Hoan (để b/c);
- TTr Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Sở NNPTNT, CCTL, Cty KTCCTL liên quan;
- Cơ quan truyền thông;
- Văn phòng TC (để đăng website);
- Lưu VT, QLCT.



Lương Văn Anh

Phụ lục I**TỔNG HỢP MỨC NƯỚC TẠI THƯỢNG LƯU CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

(Kèm theo Báo cáo số *145* /BC-TCTL-QLCT ngày 09/2/2023
của Tổng cục Thủy lợi)

TT	Công trình	Mức nước thiết kế/Mức nước yêu cầu (m)	Đợt 2	
			Mức nước trung bình cả đợt (m)	Khả năng lấy nước
1	Trung Hà	7,50	5,46	Không lấy được
2	Bạch Hạc cũ	6,05	3,62	Không lấy được
3	Bạch Hạc mới	2,50		Tốt
4	Đại Định cũ	5,57	3,21	Không lấy được
5	Đại Định mới	2,50		Tốt
6	Phù Sa cũ	5,20	2,44	Không lấy được
7	Phù Sa đã chiến	1,80		Tốt
8	Cầm Đình	5,35	2,32	Không lấy được
9	Thanh Diêm	0,00	2,15	Tốt
10	Đan Hoài	1,08	1,99	Tốt
11	Liên Mạc	3,77	1,74	Không lấy được
12	Áp Bắc	2,80	1,70	Không lấy được
13	Áp Bắc đã chiến	0,5		Tốt
14	Long Từu	2,58	1,60	Không lấy được
15	TV Hà Nội	1,70	1,61	
16	Xuân Quan	1,85	1,59	Không lấy được
17	Hồng Vân	1,00	1,41	Tốt

Phụ lục II

TIẾN ĐỘ LẤY NƯỚC PHỤC VỤ GIEO CÂY VỤ ĐÔNG XUÂN 2022-2023, KHU VỰC TRUNG DU VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

(Tính đến hết ngày 08/2/2023)

(Kèm theo Báo cáo số 145 /BC-TCTL-QLCT ngày 09/2/2023 của Tổng cục Thủy lợi)

TT	Tỉnh, thành phố	Kế hoạch lấy nước vụ Xuân 2022-2023	Trước Đợt 2		Đợt 2 (Từ ngày 01/2 đến 08/2/2023)															
			Ngày 31/1/2023		Ngày 01/2/2023		Ngày 02/2/2023		Ngày 03/2/2023		Ngày 04/2/2023		Ngày 05/2/2023		Ngày 06/2/2023		Ngày 07/2/2023		Ngày 08/2/2023	
			Tổng số (ha)	% so với KH	Tổng số (ha)	% so với KH	Tổng số (ha)	% so với KH	Tổng số (ha)	% so với KH	Tổng số (ha)	% so với KH	Tổng số (ha)	% so với KH	Tổng số (ha)	% so với KH	Tổng số (ha)	% so với KH	Tổng số (ha)	% so với KH
1	Phủ Thọ	35.320	21.400	60,59	28.587	80,94	30.776	87,13	32.966	93,34	33.535	94,95	33.785	95,65	34.265	97,01	34.998	99,09	35.320	100
2	Vĩnh Phúc	28.400	18.758	66,05	19.278	67,88	20.103	70,79	20.818	73,30	21.742	76,56	22.449	79,05	23.869	84,05	24.724	87,06	27.056	95,27
3	Bắc Ninh	29.650	19.865	67,00	20.923	70,57	21.869	73,76	23.084	77,85	23.590	79,56	24.572	82,87	25.389	85,63	26.836	90,51	28.269	95,34
4	Hà Nội	81.128	41.119	50,68	44.304	54,61	46.020	56,73	48.304	59,54	50.108	61,76	51.454	63,42	53.655	66,14	61.002	75,19	65.318	80,51
5	Hà Nam	28.318	26.243	92,67	26.485	93,53	27.140	95,84	27.476	97,03	28.318	100,00	28.318	100,00	28.318	100,00	28.318	100,00	28.318	100
6	Hưng Yên	25.130	11.068	44,04	12.146	48,33	14.669	58,37	15.995	63,65	17.231	68,57	18.187	72,37	19.857	79,02	21.836	86,89	25.130	100
7	Hải Dương	54.000	38.235	70,81	39.971	74,02	42.885	79,42	43.748	81,01	44.760	82,89	45.773	84,76	49.483	91,64	50.080	92,74	50.567	93,64
8	Hải Phòng	27.680	19.162	69,23	19.998	72,25	20.581	74,35	21.060	76,08	22.771	82,27	23.590	85,22	24.465	88,39	25.900	93,57	27.680	100
9	Thái Bình	74.850	71.314	95,28	72.273	96,56	73.144	97,72	74.103	99,00	74.420	99,43	74.850	100,00	74.850	100,00	74.850	100,00	74.850	100
10	Nam Định	74.718	68.038	91,06	69.931	93,59	71.979	96,33	73.063	97,79	73.291	98,09	74.718	100,00	74.718	100,00	74.718	100,00	74.718	100
11	Ninh Bình	39.165	35.268	90,05	36.682	93,66	36.985	94,43	37.077	94,67	37.368	95,41	37.673	96,19	38.017	97,07	38.787	99,03	39.071	99,76
	Tổng cộng	498.359	370.470	74,34	390.578	78,37	406.151	81,50	417.694	83,81	427.134	85,71	435.369	87,36	446.886	89,67	462.049	92,71	476.297	95,57